

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Cao Thị Hạ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Số 12/26/50/286 đường L, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: IG3 8EX Aldborough Rd. S, 62e, Ilford, London, Anh Quốc.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 12/26/50/286 đường L, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr đều vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai (đã được Hợp pháp hoá lãnh sự) nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 22/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2020, anh T sang Anh Quốc để sinh sống và làm việc. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Thu Tr.

Về con chung: Anh T và chị Tr có 03 con chung là Lê Việt H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009; Lê Nam Kh, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 và Lê Phạm Tuệ Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2018. Khi ly hôn anh T đề nghị giao cả 03 con chung cho chị Tr nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T và chị Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết L, mẹ đẻ anh T nhận thay các thông báo, quyết định, bản án của Tòa án và cam đoan không khiếu nại, không kháng cáo đối với quyết định, bản án sơ thẩm.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị Thu Tr trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu Tr và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 22/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018, anh T sang Anh Quốc để lao động. Trong thời gian xa cách vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có mối quan hệ tình cảm bên ngoài, không quan tâm đến mẹ con chị Tr, gia đình hai bên đã tiến hành hoà giải Nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị Tr đồng ý ly hôn với anh T để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Tr và anh T có 03 con chung là Lê Việt H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009; Lê Nam Kh, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 và Lê Phạm Tuệ Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2018. Khi ly hôn chị Tr đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho chị Tr nuôi do anh T đang ở nước ngoài. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tr và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T, chị Tr đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, anh T, chị Tr vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là anh Lê Văn T hiện nay đang sinh sống tại Anh Quốc, bị đơn là chị Phạm Thị Thu Tr hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Lê Văn T và bị đơn chị Phạm Thị Thu Tr vắng mặt và cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 22/02/2009, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì anh T sang Anh Quốc lao động. Quá trình xa cách anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Nay, anh T, chị Tr cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh T và chị Tr là tự nguyện không bị ép buộc, căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr.

[4] Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr có ba con chung là Lê Việt H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009; Lê Nam Kh, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 và Lê Phạm Tuệ Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2018, hiện ba con đều đang ở với chị Tr do anh T không có mặt tại Việt Nam. Anh chị thoả thuận giao cả ba con cho chị Tr trực tiếp nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con Lê Việt H, Lê Nam Kh và Lê Phạm Tuệ Nh cho chị Tr trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh T và chị Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Phạm Thị Thu Tr.
2. Về con chung: Giao các con chung tên là Lê Việt H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009; Lê Nam Kh, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 và Lê Phạm Tuệ Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2018 cho chị Phạm Thị Thu Tr trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị Tr không yêu cầu, nên tạm thời Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Thu Tr tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000257 ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Lê Văn T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Phạm Thị Thu Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 22/02/2009);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huy Du

Vũ Thị Minh Nguyệt

Vũ Thị Thu Hà